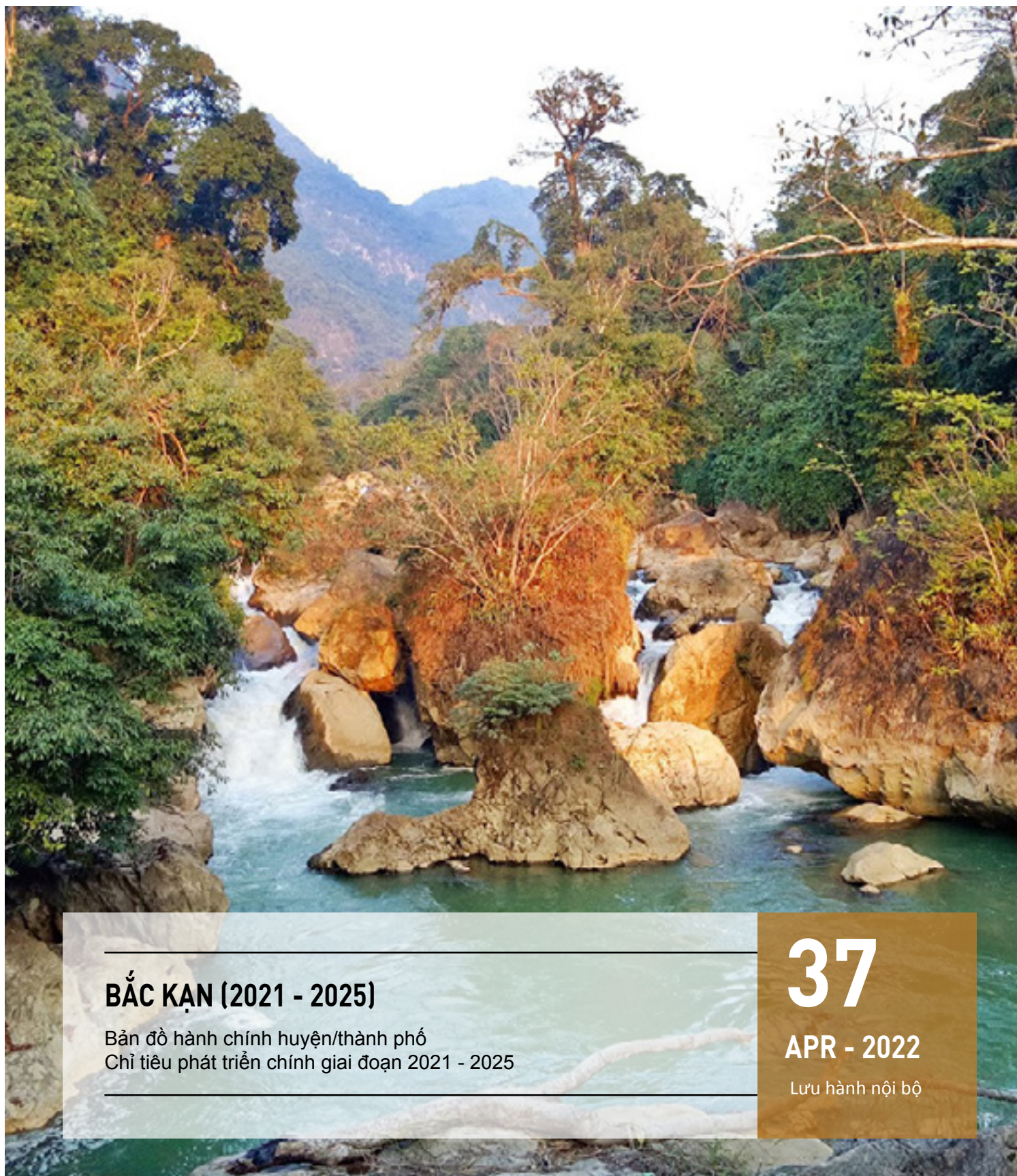


Land&Life

VOL.37 | BẮC KẠN | WWW.PMCWEB.VN

IIRR  



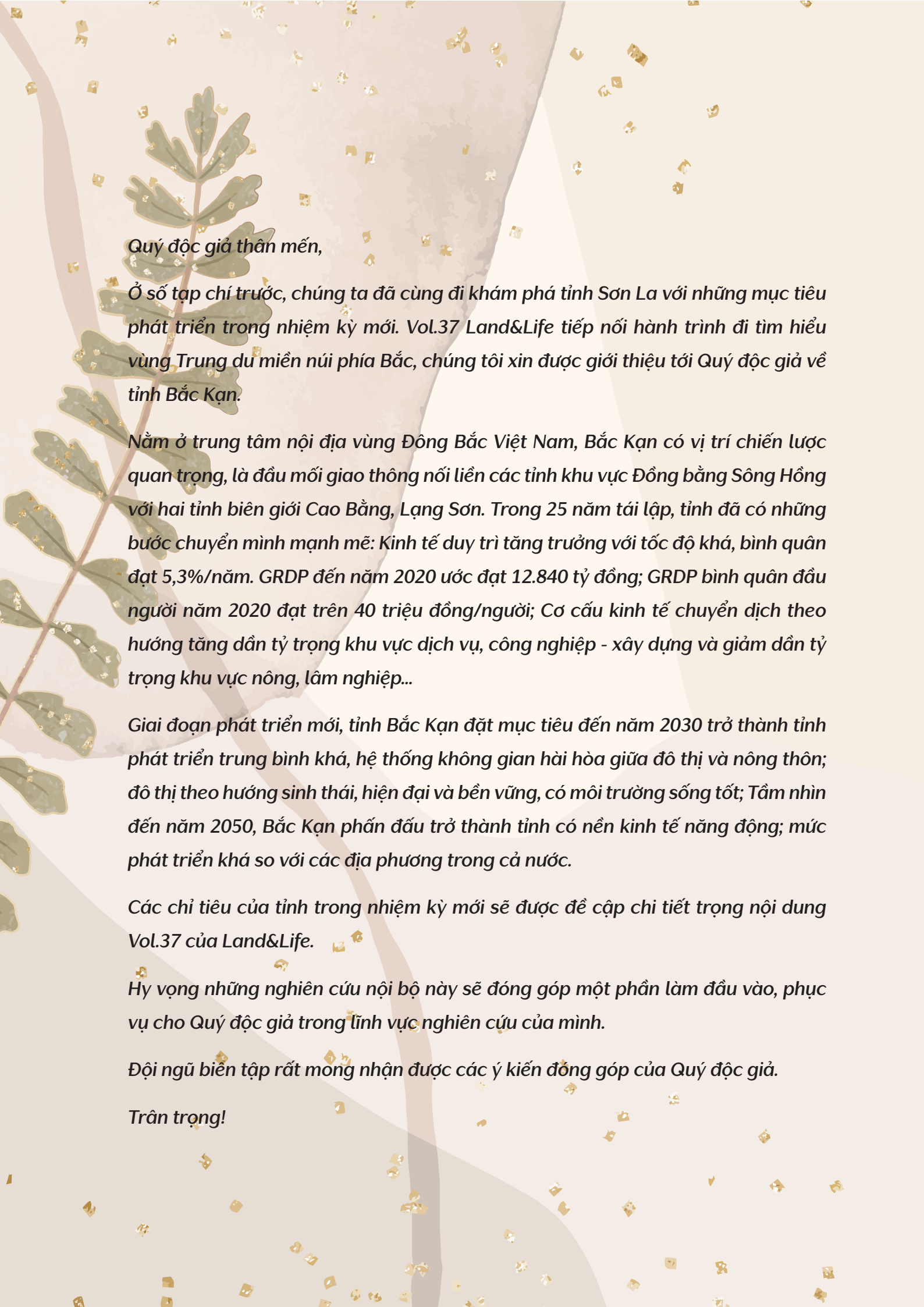
BẮC KẠN (2021 - 2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 - 2025

37

APR - 2022

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Sơn La với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Vol.37 Land&Life tiếp nối hành trình đi tìm hiểu vùng Trung du miền núi phía Bắc, chúng tôi xin được giới thiệu tới Quý độc giả về tỉnh Bắc Kạn.

Nằm ở trung tâm nội địa vùng Đông Bắc Việt Nam, Bắc Kạn có vị trí chiến lược quan trọng, là đầu mối giao thông nối liền các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Hồng với hai tỉnh biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn. Trong 25 năm tái lập, tỉnh đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ: Kinh tế duy trì tăng trưởng với tốc độ khá, bình quân đạt 5,3%/năm. GRDP đến năm 2020 ước đạt 12.840 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 40 triệu đồng/người; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng khu vực dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp...

Giai đoạn phát triển mới, tỉnh Bắc Kạn đặt mục tiêu đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển trung bình khá, hệ thống không gian hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đô thị theo hướng sinh thái, hiện đại và bền vững, có môi trường sống tốt; Tầm nhìn đến năm 2050, Bắc Kạn phấn đấu trở thành tỉnh có nền kinh tế năng động; mức phát triển khá so với các địa phương trong cả nước.

Các chỉ tiêu của tỉnh trong nhiệm kỳ mới sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.37 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Wan Tuan
Ho Wan Tuan

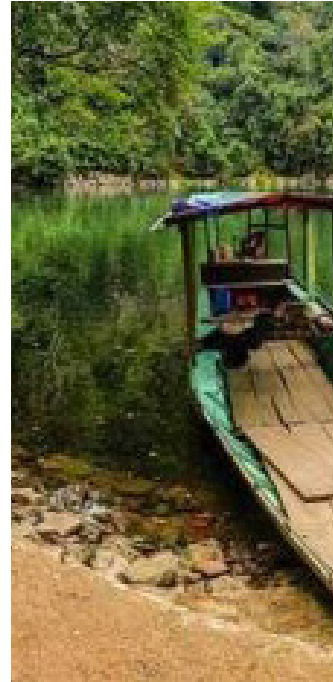
Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ liirr.vn@gmail.com

📍 KT FL Sky City Towers

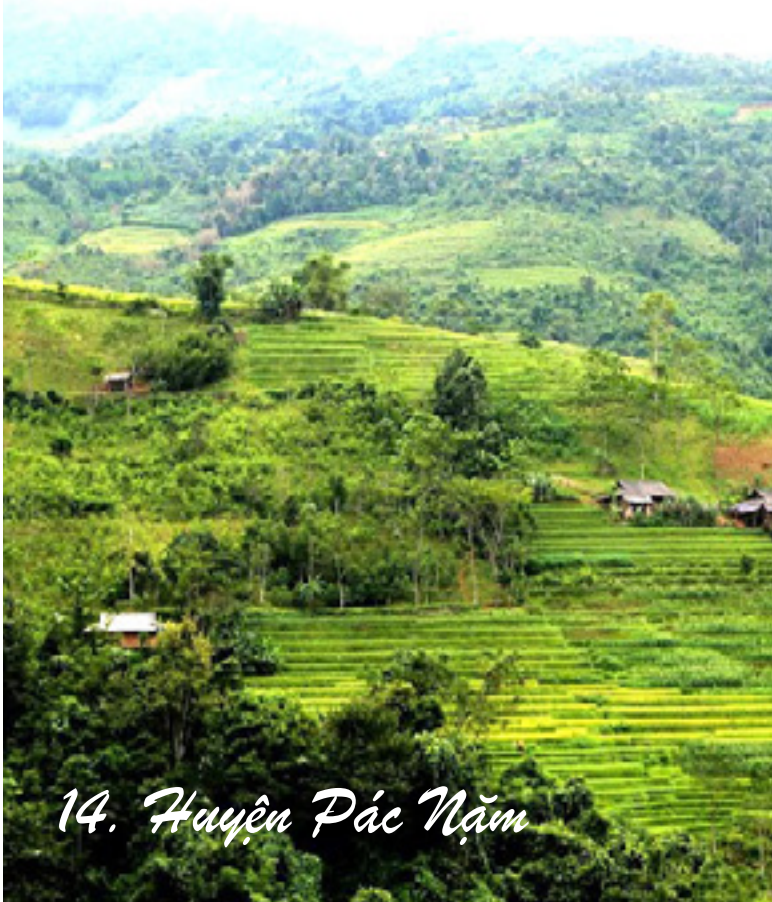
☎ +84 2437767065



10. Thành Phố Bắc Kạn



24. Huyện Ngân Sơn



14. Huyện Pác Nặm



28. Huyện Bạch Thông



18. Huyện Ba Bể



36. Huyện Na Rì



32. Huyện Chợ Mới



40. Huyện Chợ Đồn

TỈNH BẮC KẠN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Toạ độ địa lý 22°44' đến 21°48' vĩ độ Bắc, 106°15' đến 105°26' kinh độ Đông

Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng;

Phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn;

Phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên;

Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích 4.860 km²

Dân số trung bình: 314.400 người

Mật độ: 65 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

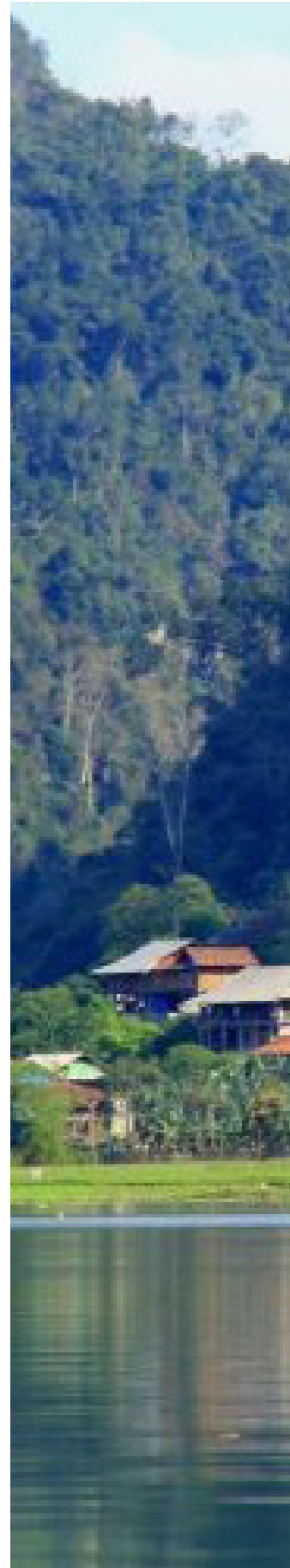
Bắc Kạn có 8 ĐVHC, trong đó có 01 thành phố (thành phố Bắc Kạn) và 07 huyện (Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Ngân Sơn, Pác Nặm) với 108 ĐVHC cấp xã (96 xã, 06 phường, 06 thị trấn).

BẮC KẠN

HỒ BẠNH BÈ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN 2030

Đại hội thống nhất như trong báo cáo chính trị và xác định trong nhiệm kỳ tới cần: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; phát huy truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa và đại đoàn kết các dân tộc; huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực; quyết tâm xây dựng tỉnh Bắc Kạn phát triển nhanh, bền vững”.

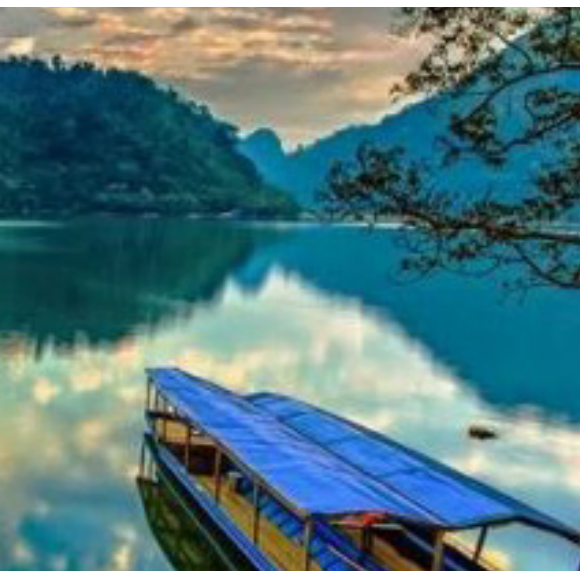




- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt từ 6,5 - 7,0%/năm, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp tăng 3,5%/năm; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng từ 9,6 - 9,8%/năm (Công nghiệp tăng từ 12,8 - 13%/năm; xây dựng tăng 7,5%/năm); khu vực dịch vụ tăng 7,0%/năm.
- Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26,2%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 18,5%; khu vực dịch vụ chiếm 53%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 2,3%.
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 62 triệu đồng.
- Sản lượng lương thực bình quân đầu người duy trì 500 kg/người/năm; diện tích trồng rừng bình quân/năm đạt 3.500 ha (trồng lại rừng sau khai thác và cây phân tán); duy trì tỷ lệ che phủ rừng 72,9%.
- Xây dựng thành phố Bắc Kạn trở thành đô thị xanh - sạch - văn minh, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II; cả tỉnh có ít nhất 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 174 thôn đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt trên 13 tiêu chí.
- Đến năm 2025 có từ 200 sản phẩm OCOP trở lên đạt 3 - 4 sao; trong đó có từ 2 sản phẩm trở lên đạt 5 sao.
- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Tập trung hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là khai thác du lịch Hồ Ba Bể.

- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia 98,5%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,5%, trong đó 50% được sử dụng nước sạch.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn tại đô thị là 92% và 40% trở lên đối với nông thôn.
- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 1.100 tỷ đồng. Tỷ lệ huy động GRDP vào ngân sách đạt từ 5,2 - 5,3%.
- Tốc độ tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 11,5%/năm; đến năm 2025 đạt 11.200 tỷ đồng; xuất, nhập khẩu tăng trưởng bình quân 10%/năm. Phấn đấu đến năm 2025, di sản Ba Bể - Na Hang được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.
- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt trên 90%; số trường chuẩn quốc gia tăng thêm 60 trường.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng theo tuổi) dưới 17%; duy trì tỷ lệ trên 17 bác sĩ/1 vạn dân; 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên 98%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50% trở lên; giải quyết việc làm cho 6.400 lao động/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 2 - 2,5%, huyện nghèo giảm từ 3,5 - 4% trở lên.
- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 88% trở lên, khu dân cư văn hoá đạt 86% trở lên; 100% xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt.





- Hằng năm, phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu, kế hoạch về tuyển quân; giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; diễn tập chiến đấu phòng thủ hoặc phòng thủ dân sự xã, phường, thị trấn; động viên quân nhân dự bị, lực lượng dự bị động viên và đảm bảo phương tiện kỹ thuật theo yêu cầu. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cấp tỉnh đạt 3,5% dân số.
- Phấn đấu tiếp nhận, xử lý 100% tin báo, tố giác tội phạm; tỷ lệ điều tra khám phá án hằng năm đạt từ 80% trở lên. Phấn đấu hằng năm giảm từ 5% trở lên số vụ tội phạm về trật tự xã hội; kiểm chế sự gia tăng tiến tới giảm tai nạn giao thông. Phấn đấu tỷ lệ giải quyết án hình sự đạt từ 90% trở lên; dân sự từ 85% trở lên; hành chính từ 65% trở lên.
- Phấn đấu đến năm 2025, 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm; 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4 đạt 90% trở lên.
- Phấn đấu mỗi năm kết nạp từ 1.000 đảng viên trở lên; có 80% tổ chức cơ sở đảng trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên.

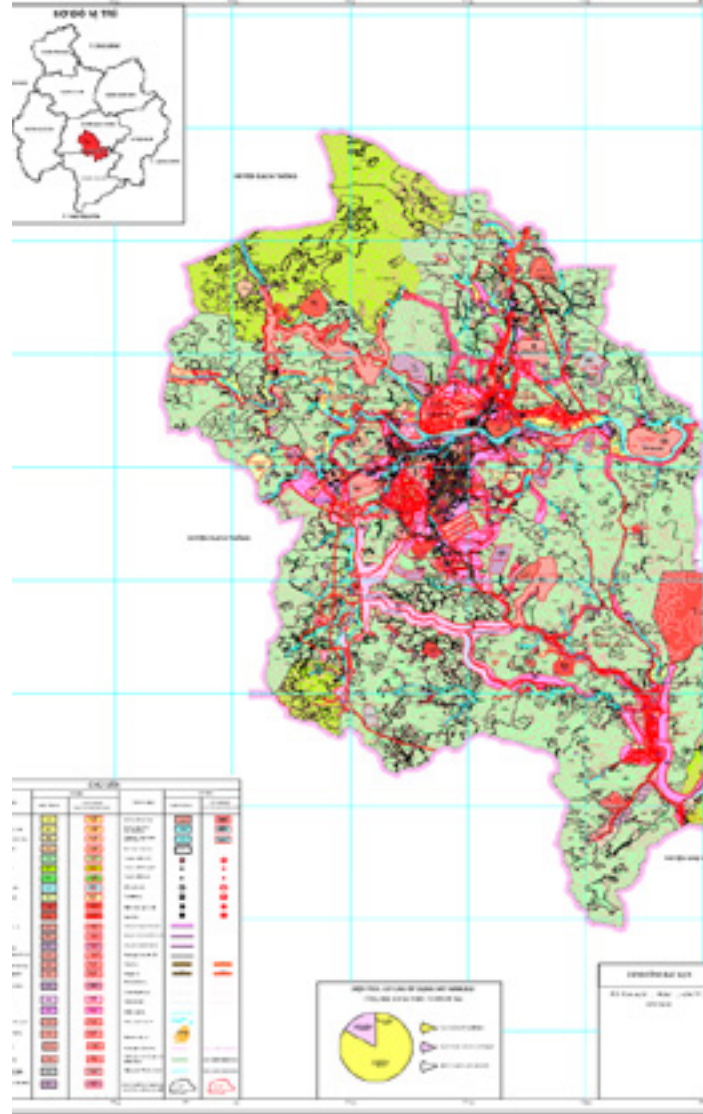
THÀNH PHỐ BẮC KẠN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Bắc Kạn nằm ở trung tâm tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Nam giáp huyện Chợ Mới

Các phía còn lại giáp huyện Bạch Thông.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 137 km²

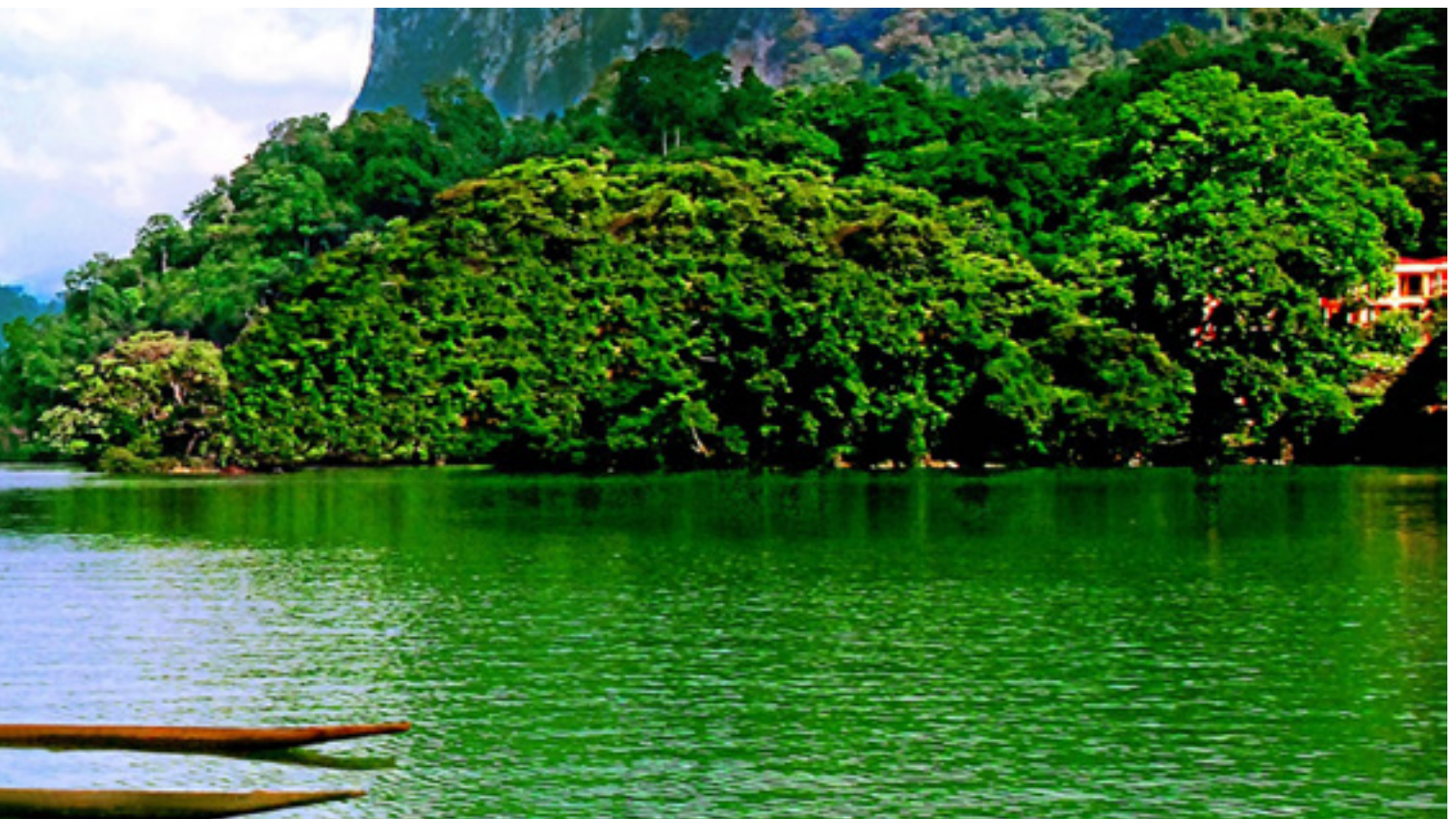
Dân số trung bình: 45.036 người.

Mật độ: 329 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Bắc Kạn có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 6 phường: Đức Xuân, Huyền Tung, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, Sông Cầu, Xuất Hóa và 2 xã: Dương Quang, Nông Thượng.







MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH TẦM NHÌN 2021 - 2025, GIAI ĐOẠN 2030

- Phần đầu tốc độ thu ngân sách tăng bình quân 8%/năm trở lên;
 - Thu ngân sách đạt 200 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 3.700 tỷ đồng;
 - Hệ số sử dụng đất nông nghiệp là 2,0 lần; có trên 250ha diện tích đất canh tác nông nghiệp đạt thu nhập 100 triệu đồng/ha/năm;
 - Xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hoàn thiện các tiêu chí thành phố còn thiếu (sân vận động, nhà tang lễ, công viên...) và cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II;
 - 75% số hộ dân các phường được sử dụng nước sạch;
 - Thu gom, xử lý rác thải nông thôn đạt 80%;
 - Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và thu gom, xử lý rác thải đô thị;
 - Có thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia;
 - Kết nạp 450 đảng viên; hằng năm, có 80% tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ;
 - 97% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó hoàn thành tốt nhiệm vụ là 85%;
 - Giải quyết việc làm cho 500 lao động/năm;
 - Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%..
- 



PÁC NẶM



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Pác Nặm nằm ở phía Bắc của tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

Phía Tây giáp huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Phía Bắc giáp huyện Bảo Lâm và huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

Phía Nam giáp huyện Ba Bể



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 473,64 km²

Dân số trung bình: 33.439 người.

Mật độ: 71 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Pác Nặm có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 xã: An Thắng, Bằng Thành, Bộc Bố, Cao Tân, Cổ Linh, Công Bằng, Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Nhạn Môn, Xuân La.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Phấn đấu đến năm 2025 tổng giá trị sản xuất đạt 800 tỷ đồng, trong đó: Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản đạt 540 tỷ đồng; sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 25 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 235 tỷ đồng.
- Phấn đấu đến năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 15 tỷ đồng trở lên;
- Thu nhập bình quân đạt 33 triệu đồng/người/năm.
- Đến năm 2025 số tiêu chí nông thôn mới bình quân toàn huyện đạt 13 tiêu chí; số xã đạt tiêu chí nông thôn mới 03 xã.
- Phấn đấu đến năm 2025 nâng tỷ lệ lao động nghề đạt 25% trở lên; tạo việc làm cho 1.000 lao động trên/năm, trong đó tạo việc làm mới cho trên 400 lao động/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 3%/năm.





BA BỂ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Ba Bể nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Ngân Sơn

Phía Tây giáp huyện Chợ Đồn và huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Phía Nam giáp huyện Bạch Thông

Phía Bắc giáp huyện Pác Nặm và huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

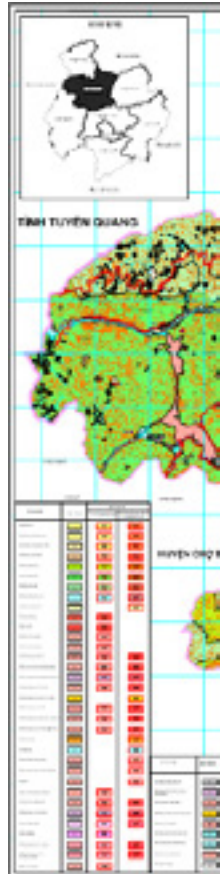
Diện tích: 678 km²

Dân số trung bình: 48.325 người.

Mật độ: 71 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Ba Bể có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Chợ Rã và 14 xã: Bành Trạch, Cao Thượng, Chu Hương, Địa Linh, Đồng Phúc, Hà Hiệu, Hoàng Trĩ, Khang Ninh, Mỹ Phương, Nam Mẫu, Phúc Lộc, Quảng Khê, Thượng Giáo, Yển Dương.





CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH NĂM 2022

KINH TẾ

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt: 46,5 tỷ đồng.
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản:
- Bình quân lương thực trên đầu người/năm: 580 kg.
- Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây có
- giá trị kinh tế cao tăng thêm 20 ha.
- Cây chất bột: 225 ha (trong đó: Cây khoai tây là 10 ha, cây khoai lang là 50
- ha, cây khoai môn là 10 ha, cây dong riềng là 150 ha).
- Cây rau, đậu các loại: 600 ha (trong đó: cây rau là 420 ha, đậu các loại là 30
- ha, bí thơm 150 ha).
- Cây công nghiệp: 919 ha (trong đó: đậu tương 70 ha, lạc 60, thuốc lá 02 ha,
- mía 10 ha, gừng 18 ha, nghệ 20 ha, cây chè diện tích duy trì 739 ha).
- Cây ăn quả (phần đầu diện tích trồng mới): 90 ha cây cam, quýt; 85 ha cây
- hồng không hạt; 47 ha cây chuối.
- Chăn nuôi: Đại gia súc: tổng số 16.585 con; Lợn: tổng số 85.900 con.; Dê: tổng số 9.140 con; Gia cầm: tổng số 627.912 con; Sản lượng thịt hơi các loại đạt 5.717 tấn; Phát triển chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ: 02 mô hình (chăn nuôi đại gia súc 01 mô hình, chăn nuôi lợn 01 mô hình); Phát triển chăn nuôi theo chuỗi liên kết: 01 mô hình.
- Diện tích rừng trồng: 420 ha (trồng cây phân tán 100 ha; trồng lại rừng sau khai thác 300 ha; trồng theo các CT, DA khác 20 ha).
- Tỷ lệ che phủ rừng: 68,5%.





- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư XDCB các nguồn đạt trên 90%. Riêng đối với nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh không được phép kéo dài hoặc chuyển nguồn sang năm 2023 (nếu có): Giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.
- Thành lập hợp tác xã (HTX): Thành lập mới HTX: 03 HTX.
- Xây dựng nông thôn mới (NTM): Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 01 xã; Số xã đạt chuẩn NTM tăng thêm: 01 xã; Số thôn đạt chuẩn NTM: 12 thôn; Tổng số xã đạt chuẩn NTM (lũy kế): 05 xã; Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM: 35,7%; Số sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên: 08 sản phẩm.
- Thu hút khách du lịch: Thu hút khách du lịch trong năm: 100 nghìn lượt khách.



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Giáo dục và Đào tạo: Số trường đạt chuẩn quốc gia: 01 trường; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 99%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trên 90%.
- Y tế: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: 11%; Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ: 100%; Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên 95%.
- Lao động - Thương binh và Xã hội: Số lao động được đào tạo và giải quyết việc làm: 1.000 người; Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: 2,5-3%; Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em: 15 xã, thị trấn.
- Văn hóa: Tỷ lệ số hộ đạt gia đình văn hóa: 88%; Tỷ lệ khu dân cư văn hóa: 86%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa: 94%.

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác, chất thải rắn tại trung tâm huyện: 100%.
- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác, chất thải rắn sinh hoạt tại các xã trên 40%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 98,5%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia: 98%.



QUỐC PHÒNG AN NINH

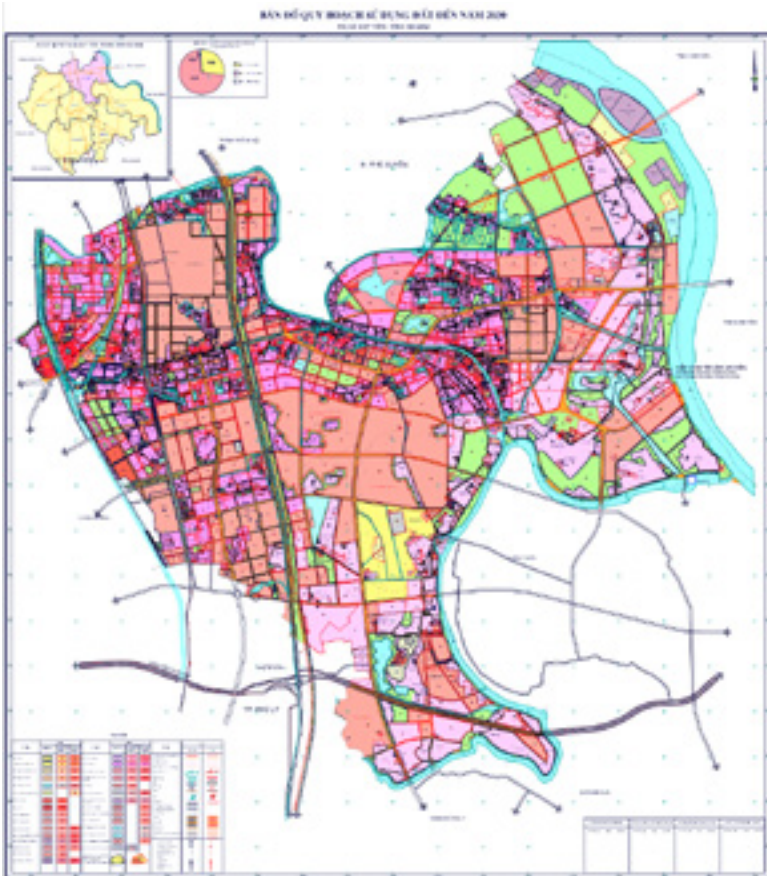
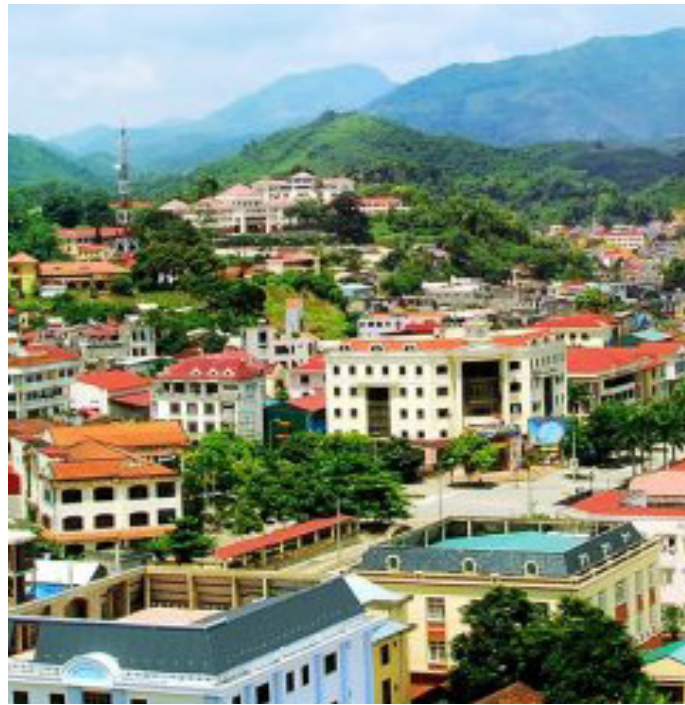
- Chỉ tiêu tuyển quân đạt: 100%.
- Diễn tập chiến đấu phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự: 04 xã.
- Động viên quân nhân dự bị, bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho các đối tượng: 100%.
- Tỷ lệ khám phá án từ 80% trở lên.
- Tỷ lệ khám phá án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng từ 90% trở lên.
- Tỷ lệ số vụ tội phạm về trật tự xã hội giảm từ 5% trở lên.
- Kiểm chế, giảm tai nạn giao thông: Giảm cả 3 tiêu chí.



XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm: 97%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên: 98%.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn huyện theo mức độ 4 trên 82%.

NGÂN SƠN



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Ngân Sơn có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Nà Phặc và 9 xã: Bằng Vân, Cốc Đán, Đức Vân, Hiệp Lực, Thuần Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa, Vân Tùng

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Ngân Sơn nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Thạch An, phía bắc giáp huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

Phía Tây giáp huyện Ba Bể

Phía Nam giáp huyện Bạch Thông và huyện Na Rì.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 644,4 km²

Dân số trung bình: 29.269 người.

Mật độ: 45 người/km²





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN 2030

- Phấn đấu đến năm 2025, sản lượng lương thực ổn định ở mức 17.500 tấn/năm; bình quân lương thực đạt trên 590 kg/người/năm; trồng mới 100 ha cây dẻ; duy trì diện tích trồng cây thuốc lá 700 ha/năm, Khẩu nua lếch 100 ha/năm; mỗi năm trồng 350 ha rừng; phát triển đàn đại gia súc 12.500 con, đàn lợn 25.000 con;
- Có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới;
- Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới khoảng 75 km đường giao thông, 70% số thôn có mặt đường cứng hóa;
- Thu ngân sách đạt 20 tỷ đồng;
- Xây dựng thêm 05 trường học đạt chuẩn Quốc gia, 100% các xã có nhà văn hóa theo chuẩn nông thôn mới;
- Giải quyết việc làm mới cho 2.000 người, 1.250 người được đào tạo;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,5%-4%/năm;
- Hằng năm, Đảng bộ huyện được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Trên 90% số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 87% trở lên
- Kết nạp mới 120 đảng viên/năm;
- Xếp loại cải cách hành chính hằng năm đạt loại tốt trở lên...



BẠCH THÔNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

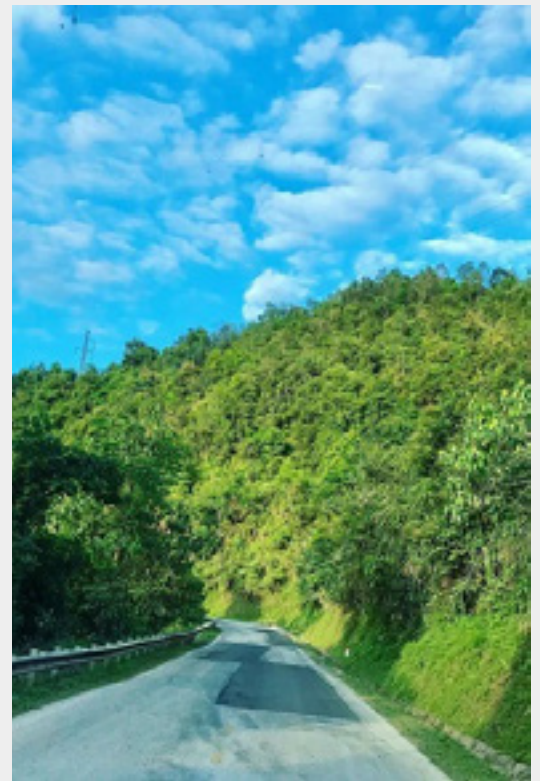
Huyện Bạch Thông nằm ở trung tâm tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Na Rì

Phía Tây giáp huyện Chợ Đồn

Phía Nam giáp huyện Chợ Mới và thành phố Bắc Kạn

Phía Bắc giáp huyện Ngân Sơn và huyện Ba Bể.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 545 km²

Dân số trung bình: 49.554 người.

Mật độ: 57 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bạch Thông có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Phủ Thông và 13 xã: Cẩm Giàng, Cao Sơn, Đôn Phong, Dương Phong, Lục Bình, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Quân Hà, Quang Thuận, Sỹ Bình, Tân Tú, Vi Hương, Vũ Muộn.







MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN 2030

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 21.000 triệu đồng.
- Toàn huyện có 12.335ha rừng trồng, hàng năm trồng 280ha rừng; sản phẩm gỗ khai thác đạt 18.000m³/năm. Duy trì độ che phủ rừng trên 76%. Trồng mới cây ăn quả các loại trên 500 ha.
- Có 30 sản phẩm OCOP đạt 3-4 sao.
- 97% dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh. Thu gom và xử lý rác thải nông thôn đạt 80%.
- Có 25 HTX, 450 hộ kinh doanh trên địa bàn duy trì hoạt động.
- Có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 37 thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí nông thôn mới bình quân của một xã đạt 16 tiêu chí.
- Dân số toàn huyện 32.038 người.
- Đến năm 2025 toàn huyện có 24 trường học đạt chuẩn quốc gia.
- Duy trì 14 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, 98% người dân có thẻ bảo hiểm y tế.
- 90% gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, 90% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu Thôn, Tổ dân phố văn hóa.
- Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho 3.500 lao động
- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn 12,5%; tỷ lệ giảm nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn 20%.
- Chỉ tiêu tuyển quân, động viên quân dự bị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng: 100%.
- Tỷ lệ khám phá án chung đạt trên 85%.
- Giảm cả 3 tiêu chí về tai nạn giao thông đường bộ.
- Hàng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 80% trở lên.
- Mỗi năm kết nạp ít nhất 90 đảng viên, 100% thôn có chi bộ sinh hoạt độc lập.
- 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được cung cấp theo mức độ 3 đạt 78%, mức độ 4 đạt 45%...

CHỢ MỚI

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Chợ Mới nằm ở phía Nam tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Na Rì và huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Phía Tây giáp huyện Chợ Đồn và huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

Phía Nam giáp huyện Phú Lương và huyện Đồng Hỷ thuộc tỉnh Thái Nguyên

Phía Bắc giáp huyện Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 606 km²

Dân số trung bình: 38.958 người.

Mật độ: 64 người/km²



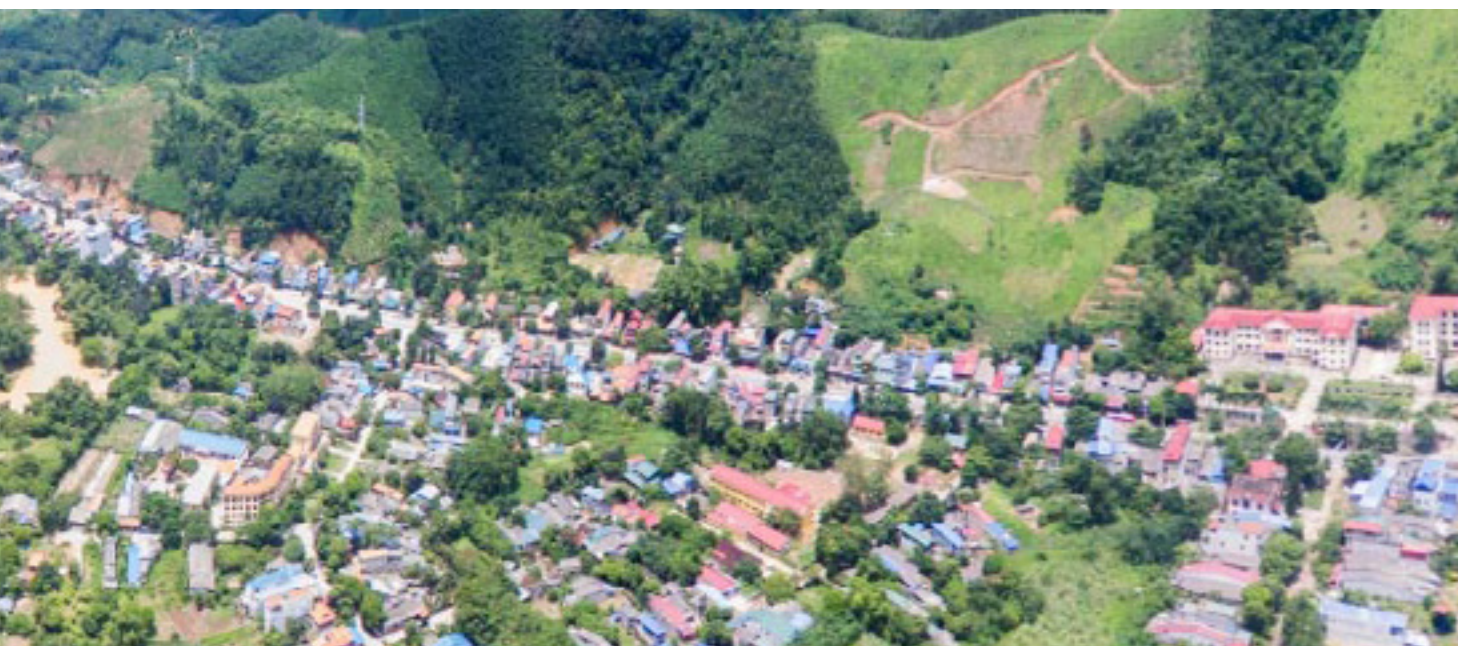
HUYỆN





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Huyện Chợ Mới có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đồng Tâm và 13 xã: Bình Văn, Cao Kỳ, Hòa Mục, Mai Lạp, Như Cối, Nông Hạ, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Thanh Vận, Yên Cư, Yên Hân.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN 2030

- Phần đầu thu nhập bình quân đến năm 2025 đạt trên 45 triệu đồng/người/năm;
- Thu ngân sách đạt 20 tỷ đồng;
- Lương thực bình quân đạt trên 450kg/người/năm; diện tích trồng rừng hằng năm đạt 1.000ha;
- Phần đầu có 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 02 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao;
- Hằng năm thành lập mới 02 HTX, đến năm 2025 có 20 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong đó có 4 sản phẩm đạt 4 sao;
- Xây dựng mới 5 trường học đạt chuẩn Quốc gia;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm 2%;
- 87% hộ gia đình đạt danh hiệu văn hoá;
- Phần đầu hằng năm kết nạp mới 100 đảng viên trở lên
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 80%;
- Hằng năm có 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ...





NA RÌ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Na Rì là một huyện nằm ở phía Đông tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bình Gia và huyện Trảng Định thuộc tỉnh Lạng Sơn

Phía Tây giáp huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới

Phía Nam giáp huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Phía Bắc giáp huyện Ngân Sơn và huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 853 km²

Dân số trung bình: 38.263 người.

Mật độ: 45 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Na Rì có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Yên Lạc và 16 xã: Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi, Dương Sơn, Đồng Xá, Kim Hỷ, Kim Lư, Liêm Thủy, Lương Thượng, Quang Phong, Sơn Thành, Trần Phú, Văn Lang, Văn Minh, Văn Vũ, Xuân Dương.

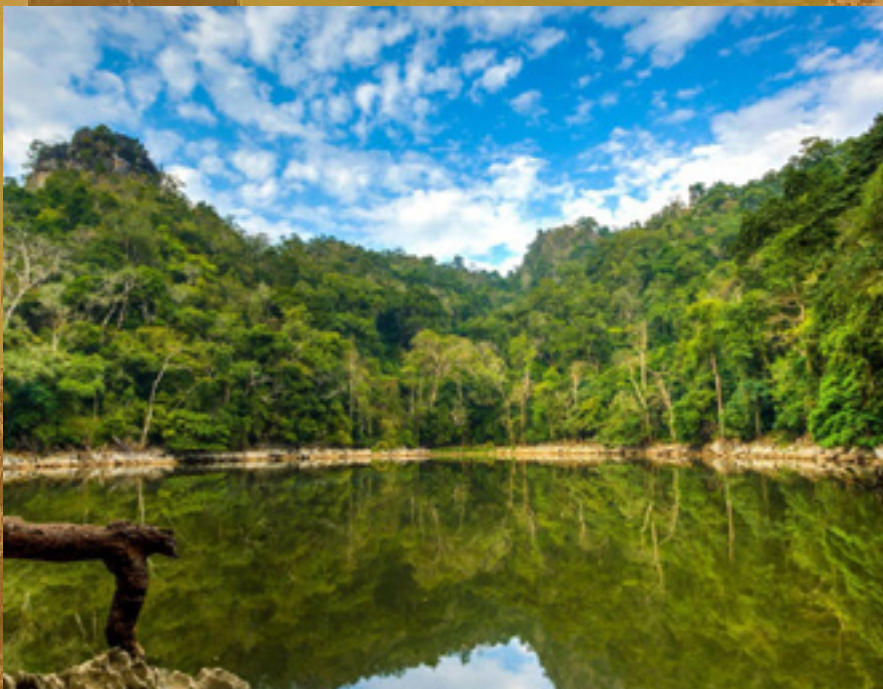






MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Phấn đấu tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 33.000 tấn; sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 800kg/1năm;
- Đến năm 2025, duy trì và nâng cấp 20 sản phẩm OCOP đạt từ 3 - 4 sao, 01 sản phẩm đạt 5 sao;
- Phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;
- Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cấp huyện được cung cấp theo mức độ 3 đạt 78%, mức độ 4 đạt 45%;
- Trong nhiệm kỳ kết nạp 400 đảng viên trở lên;
- Có 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên;
- 100% số thôn có chi bộ sinh hoạt độc lập vào năm 2025.





CHỢ ĐỒN

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 912 km²

Dân số trung bình: 49.554 người.

Mật độ: 54 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Chợ Đồn nằm ở phía Tây tỉnh Bắc Kạn, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới

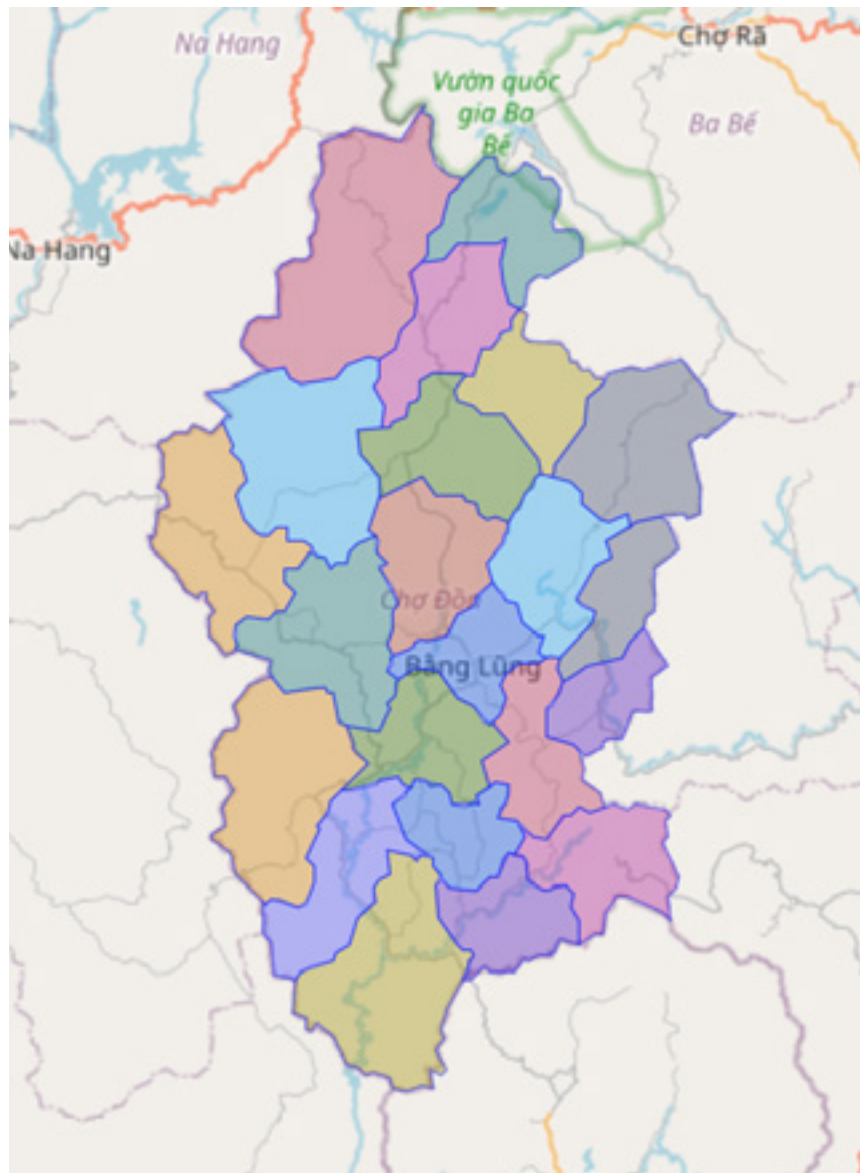
Phía Tây giáp huyện Chiêm Hóa và huyện Na Hang thuộc tỉnh Tuyên Quang

Phía Nam giáp huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Phía Bắc giáp huyện Ba Bể.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Chợ Đồn có 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Bằng Lũng và 19 xã: Bản Thi, Bằng Lũng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sảo, Đồng Lạc, Đồng Thắng, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Ngọc Phái, Phương Viên, Quảng Bạch, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Phong, Yên Thượng, Yên Thịnh.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN 2030

- Phần đầu đến năm 2025 tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 145 tỷ đồng.
- Hệ số sử dụng đất nông nghiệp đạt 1,8 lần.
- Duy trì tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 28.000 tấn.
- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 3.000 tấn.
- Trồng mới 2.500ha rừng, sản lượng khai thác gỗ hằng năm đạt 30.000m³
- Có 30 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên.
- 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 30% số thôn đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 15 tiêu chí.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 8,86%.
- Kết nạp 750 đảng viên mới, duy trì 95% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, phần đầu 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ...





Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của Tỉnh Bắc Kạn Nhiệm kỳ 2020 - 2025

TỈNH BẮC KẠN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://backan.gov.vn>

THÀNH PHỐ BẮC KẠN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Bắc Kạn
lần thứ XII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<http://baobackan.com.vn>

HUYỆN PÁC NẶM

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Pác Nặm
lần thứ IV (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<http://baobackan.com.vn>

HUYỆN BA BẾ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Ba Bể
lần thứ XX (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://babe.gov.vn>

HUYỆN NGÂN SƠN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Ngân Sơn
lần thứ XXII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://backan.gov.vn>

HUYỆN BẠCH THÔNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Bạch Thông
lần thứ XV (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<https://backan.gov.vn>

HUYỆN CHỢ MỚI

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Chợ Mới
lần thứ VI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<http://baobackan.com.vn>

HUYỆN NA RÌ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Na Rì
lần thứ XIX (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<http://baobackan.com.vn>

HUYỆN CHỢ ĐỒN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Chợ Đồn
lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

<http://baobackan.com.vn>



Diện tích, dân số và mật độ dân số của Tỉnh Bắc Kạn

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km2)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (Người/Km2)
TOÀN TỈNH	4.860	314.400	65
Thành Phố Bắc Kạn	137	45.036	329
Huyện Pác nặm	473,64	33.439	71
Huyện Ba Bể	678	48.325	71
Huyện Ngân Sơn	644,4	29.269	45
Huyện Bạch Thông	545	49.554	57
Huyện Chợ Mới	606	38.958	64
Huyện Na Rì	853	38.263	45
Huyện Chợ Đồn	912	49.554	54

